

Bản án số: 26/2024/KDTM-PT
Ngày 30 tháng 5 năm 2024
V/v: “Tranh chấp giữa các thành viên của
công ty liên quan đến hoạt động góp vốn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh
Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên
Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 5 và 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 96/2023/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp giữa các thành viên của công ty liên quan đến hoạt động góp vốn”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1380/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Đức Th, sinh năm 1975; Địa chỉ: D2-16 Khu Phố B, phường Phú Th, thành phố Phan Th, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Th: Bà Phạm Thị Quế Tr, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tầng 3, số 237 Khánh H, Phường H, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Bùi Thị Thu H và luật sư Kiều Anh V, cùng thuộc Công ty Luật TNHH KAV Lawyers, Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Tầng 3, số 237 Khánh H, Phường H, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

- Bị đơn có yêu cầu phản tố:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1972; Địa chỉ: 27 Lê Thánh T, phường Bến Ng, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: số 28 đường số T khu đô thị Him L, phường Tân H, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Trương Cao M, sinh năm 1975; Địa chỉ: 28/2 đường Nguyễn Văn M, phường Võ Thị S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà V: Ông Lương Khải A, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 326/10 đường số T, phường M, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần Thương Mại - Xây Dựng C Bình Thuận. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức Th, chức vụ: Giám đốc (có mặt).

Địa chỉ trụ sở: D2-16 Khu Phố B Phan Th, phường Phú Th, thành phố Phan Th, tỉnh Bình Thuận.

2. Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận (có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; Địa chỉ: số 28 đường số T khu đô thị Him L, phường Tân H, quận S, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Khải A, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 326/10 đường số T, phường M, quận Gò V, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Bà Nguyễn Hồng Mai T, sinh năm 1968; Địa chỉ: số 225/1 Nguyễn Đình C, Phường N, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V và Ông Trương Cao M; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn Ngô Đức Th trình bày:*

Công ty cổ phần C Bình Thuận có tiền thân là Công ty TNHH Thương mại – Xây dựng C Bình Thuận, đăng ký lần đầu ngày 02/6/2008. Bà Nguyễn Thị Hồng V (vợ ông Nguyễn Văn H) và Ông Trương Cao M là thành viên của Công ty C Bình Thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 25/5/2020. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm này là 98.000.000.000 đồng. Sau khi mua lại Công ty C, trên cơ sở mối quan hệ quen biết thân thiết từ nhiều năm, vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng V đã mời ông tham gia góp vốn và đề xuất chuyển đổi loại hình Công ty C từ Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần để ghi nhận ông là cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần C, đồng thời đề ông làm Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Sau khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, Công ty C sẽ bao gồm 03 cổ đông sáng lập là bà V, ông M và ông (ông H không đứng tên trên hồ sơ thành lập công ty mà giao hết cho bà V đại diện). Đồng thời sẽ tăng vốn điều lệ Công ty từ 98.000.000.000 đồng lên 147.000.000.000 đồng. Trong đó, số cổ

phần ông sở hữu sẽ chiếm 30% vốn điều lệ Công ty, tương đương 44.100.000.000 đồng; bà V sở hữu số cổ phần tương đương 60% vốn điều lệ (88.200.000.000 đồng); ông M sở hữu số cổ phần tương đương 10% vốn điều lệ (14.700.000.000 đồng).

Do tin tưởng vợ chồng ông H, bà V nên ông đã hợp tác, đầu tư, góp vốn vào Công ty C Bình Thuận. Ông đã thanh toán tiền góp vốn bằng tiền mặt với số tiền 33,2 tỷ đồng vào tài khoản cá nhân của ông H trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2021 và góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất được Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Quý công chứng số 0838, quyền số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/3/2022.

Do ông đã thanh toán tiền góp vốn nên ngày 27/09/2021, Hội đồng thành viên Công ty TNHH C gồm bà V và ông M đã tiến hành họp và ban hành Quyết định về việc thay đổi trụ sở chính, tăng vốn điều lệ từ 98 tỷ đồng lên 147 tỷ đồng; Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần C gồm: bà V: cổ đông sở hữu 882.000 cổ phần phổ thông, chiếm 60% vốn điều lệ công ty; Ông Ngô Đức Th: cổ đông sở hữu 441.000 cổ phần phổ thông, chiếm 30% vốn điều lệ công ty; Ông Trương Cao M: cổ đông sở hữu 147.000 cổ phần phổ thông, chiếm 10% vốn điều lệ công ty; chuyển đổi loại hình Công ty từ Công ty trách nhiệm hữu hạn thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/09/2021. Sau đó, công ty tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 147 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 9 ngày 12/10/2021 và tăng lên 800 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 10 ngày 03/11/2021.

Ngày 28/3/2023, Công ty C nộp hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật tại Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận, trong hồ sơ đính kèm có Biên bản họp số 03/BBH-ĐHĐCĐ và Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ cùng ngày 13/3/2023 của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Thương Mại - Xây Dựng C Bình Thuận. Tuy nhiên, trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nêu trên vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp năm 2020. Cụ thể:

Thông báo mời họp không hợp lệ, không đúng quy định tại khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp năm 2020; không gửi chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty.

Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty không đúng quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều 34 Điều lệ Công ty.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông xác định không đúng tư cách cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông, cụ thể: Ông là cổ đông sở hữu 2.400.000 cổ phần, tương đương và chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ của Công ty C nhưng Biên bản cuộc

hợp lại ghi nhận ông không có cổ phần, không cho ông thực hiện quyền của cổ đông, không ghi nhận ý kiến, biểu quyết của ông.

Ngày 31/3/2023, ông đã có Đơn đề nghị ngăn chặn đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gửi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận. Phòng Đăng ký kinh doanh cũng đã mời các bên làm việc vào ngày 14/4/2023, đại diện Phòng Đăng ký kinh doanh "đề nghị nội bộ Công ty C họp và thống nhất việc góp vốn của các cổ đông. Trường hợp các bên không thống nhất được thì khởi kiện ra Tòa án giải quyết tranh chấp. Căn cứ Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ xem xét giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp...". Sau đó, ông có liên hệ với bà V và ông M để bàn bạc thống nhất về việc góp vốn của các cổ đông và việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính của Công ty Co Tra Co Bình Thuận. Tuy nhiên, bà V và ông M không hợp tác. Việc bà V và ông M nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty cổ phần Thương Mại - Xây Dựng Co Tra Co Bình Thuận là vi phạm nghiêm trọng Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty. Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 03/BBH-ĐHĐCĐ và Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ cùng ngày 13/03/2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Thương Mại - Xây Dựng C Bình Thuận.

- Xác định phần vốn góp của ông chiếm tỷ lệ 30% vốn điều lệ của Công ty C và là người đại diện theo pháp luật của công ty theo nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25/4/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp.

** Bị đơn có yêu cầu phản tố gồm bà Nguyễn Thị Hồng V, Ông Trương Cao M và người đại diện theo ủy quyền của bà V, ông M trình bày:*

Ông Ngô Đức Th không góp vốn nên không có tư cách cổ đông trong công ty C theo điểm a khoản 3 Điều 113 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2021, 2022 do chính Giám đốc Ngô Đức Th ký xác thực (gửi kèm biên bản bàn giao Giám đốc công ty cho Chủ tịch HĐQT ngày 13.03.2023). Nội bộ Công ty C đã tổ chức Đại hội cổ đông bất thường và xác định các cổ đông không góp thêm vốn, vốn chủ sở hữu vẫn giữ nguyên khi chưa tăng vốn 98.000.000.000 đồng. Đại hội đã nhất trí cao, xác định ông Ngô Đức Th không còn là cổ đông của Công ty và Công ty C Bình Thuận chỉ còn hai thành viên gồm: bà Nguyễn Thị Hồng V; góp 88.200.000.000 đồng chiếm tỷ lệ: 90% vốn điều lệ và Ông Trương Cao M góp 9.800.000.000 đồng chiếm tỷ lệ: 10% vốn điều lệ.

Ông Ngô Đức Th cung cấp cho tòa án các Giấy xác nhận việc góp vốn của cổ đông là do ông Ngô Đức Th tự lập ra, ghi khống việc góp vốn. Theo báo cáo tài chính năm 2021, 2022 do ông Th cung cấp, đã chứng minh vốn chủ sở hữu vẫn

giữ nguyên là 98.000.000.000 đồng, như vậy ông Th không góp vốn (không đồng).

Hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất của ông Ngô Đức Th ký ngày 11/3/2022, không có giá trị chứng minh ông Th góp vốn, vì: Tại các biên bản họp Đại hội cổ đông (03 biên bản), các cổ đông đều cam kết góp vốn bằng tiền đồng Việt Nam, không góp bằng giá trị quyền sử dụng đất. Ngày 27/9/2021, ông Ngô Đức Th cam kết góp vốn lần đầu nhưng không nộp tiền; đến tận ngày 11/3/2022 ông Th mới ký hợp đồng góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất. Tại thời điểm ngày 07/6/2023, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn đứng tên vợ – chồng ông Ngô Đức Th, không đứng tên Công ty C. Giấy xác nhận góp vốn do ông Th tự xác nhận cho mình đã nộp tiền mặt là 240.000.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi tỷ đồng). Nay ông Th lại tự cung cấp Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất là mâu thuẫn, bà V và ông M không biết và chưa bao giờ đồng ý việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất này. Việc làm của ông Th là gian dối, giả tạo, vi phạm pháp luật.

Ông Ngô Đức Th không còn là giám đốc, người đại diện pháp luật của Công ty C, bởi vì: Căn cứ điểm i Điều 4 và khoản 1 Điều 49 Điều lệ Công ty. Giám đốc là do Hội đồng quản trị bầu, bổ nhiệm; nay bà V và ông M (cổ đông chiếm 70% vốn) - chiếm đa số phiếu đã miễn nhiệm giám đốc đối với ông Ngô Đức Th, ông Ngô Đức Th cũng đã ký biên bản bàn giao giám đốc ngày 13/03/2023. Bà V và ông M đã thông báo về việc thay đổi giám đốc, người đại diện pháp luật cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận. Trụ sở chính của công ty C đã thay đổi thành: số 14 Nguyễn Hồng, phường Phú Th, TP. Phan Th, tỉnh Bình Thuận, không còn đặt tại nhà của ông Th. Công ty C đã thông báo thay đổi trụ sở với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ Biên bản làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận ngày 14/4/2023, các cổ đông Công ty C đã tổ chức họp Đại hội cổ đông bất thường ngày 07/06/2023. Do đó, bà V và ông M yêu cầu phản tố như sau: Xác định tư cách cổ đông; trong đó: Bà Nguyễn Thị Hồng V sở hữu 882.000 cổ phần tương đương 88.200.000.000 đồng; Ông Trương Cao M sở hữu 98.000 cổ phần tương đương 9.800.000.000 đồng; Ông Ngô Đức Th: sở hữu 0 (không) cổ phần và không còn là cổ đông của Công ty Cổ phần TM-XD C Bình Thuận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Hồng Mai T trình bày:

Bà không có quyền lợi nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Trước đây, bà có bàn bạc để nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông Công ty Cổ phần TM-XD C Bình Thuận. Tuy nhiên việc chuyển nhượng không được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận xác nhận thay đổi cổ đông. Sau buổi làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận ngày 14/4/2023 bà đã dừng giao dịch chuyển nhượng cổ phần với các cổ đông công ty C Bình Thuận. Ngày 07/6/2023 Đại hội cổ đông của Công ty C tổ chức họp và quyết định. Theo mục 5 Biên bản Hợp Hội đồng cổ đông ngày 07/06/2023, có nội dung: “Đại hội không chấp thuận hợp đồng

chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông từ trước đến nay. Việc chuyển nhượng (nếu có) phải ký lại hợp đồng với đối tác nhận chuyển nhượng theo đúng quy định; thu hồi và hủy bỏ toàn bộ các nghị quyết Đại hội cổ đông về việc chuyển nhượng cổ phần”. Như vậy, Ông Trương Cao M và bà Nguyễn Thị Hồng V vẫn là cổ đông của Công ty C Bình Thuận.

Bà không có yêu cầu gì trong vụ án; không tranh chấp với ai trong vụ án. Biên bản họp Đại hội cổ đông bất thường và Nghị quyết ngày 13/3/2023 của Công ty C đương nhiên đã hết hiệu lực vì ngày 7/6/2023, Đại hội cổ đông Công ty C Bình Thuận đã tổ chức họp lại.

- Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông không phải cổ đông của Công ty Cổ phần TM - XD C Bình Thuận, bà Nguyễn Thị Hồng V (vợ ông H) là cổ đông trong Công ty này, cổ phần của bà V thuộc quyền sở hữu riêng của bà V, ông không có ý kiến khác. Về số tiền 33,2 tỷ đồng ông Ngô Đức Th khai chuyển cho ông là tiền góp vốn vào Công ty C Bình Thuận là không đúng. Công ty C Bình Thuận là pháp nhân có tài khoản riêng, nên ông Th muốn chuyển tiền góp vốn thì phải chuyển vào tài khoản của Công ty C Bình Thuận.

Giữa ông và ông Th có chuyển tiền qua ngân hàng cho nhau nhiều lần như sau: Ủy nhiệm chi ngày 20/12/2018 chuyển 20.000.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 01/11/2017 chuyển 4.000.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 21/09/2017 chuyển 1.500.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 07/04/2016 chuyển 500.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 05/02/2016 chuyển 1.000.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 20/8/2015 chuyển 2.000.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 27/01/2021 chuyển 5.000.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 29/03/2021 chuyển 10.500.000.000 đồng; Ủy nhiệm chi ngày 23/9/2022 chuyển 10.000.000.000 đồng; Giấy nhận tiền 1.500.000.000 đồng.

Các chứng từ nêu trên đã chứng minh công việc kinh doanh chung giữa cá nhân ông với ông Th, không phải tiền ông Th chuyển tiền góp vốn vào Công ty C Bình Thuận. Tổng số tiền ông chuyển cho ông Th trên 100 tỷ đồng, ông Th mới chuyển trả cho ông 33,2 tỷ đồng. Ông Th còn nợ ông ước tính cả trăm tỷ đồng. Ông Th trực tiếp chuyển tiền và nhờ ông Trung, ông M, ông T2 chuyển tiền cho ông và ông chuyển tiền cho ông Th không liên quan gì đến tiền ông Th góp vốn vào Công ty C Bình Thuận. Các khoản tiền chuyển qua lại giữa ông và ông Th là quan hệ cá nhân, nếu có tranh chấp công nợ giữa đôi bên, sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác. Mặt khác, theo Bản tự khai của ông Th đề ngày 24/7/2023 phản ánh thời điểm ông Th chuyển cho ông năm 2020, trước thời điểm ông Th được Công ty C Bình Thuận họp kết nạp cổ đông M đối với ông Th (Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 27/9/2021). Về việc ông Th khai giao cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất góp vốn vào Công ty C để đi đăng bộ là không đúng. Ông không phải cổ đông và cũng không có chức vụ gì trong Công ty C Bình Thuận. Ông cũng không có thẩm quyền quyết định cho ông Th góp vốn vào Công ty C. Ông Th là Giám đốc, người đại diện pháp luật của Công ty C phải có trách nhiệm đăng bộ đất góp vốn vào Công ty C Bình Thuận, nếu không đăng bộ đương nhiên

ông Th không được công nhận việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất (theo khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013). Ông không liên quan gì đến việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất của ông Th vào Công ty C Bình Thuận. Như vậy, khoản tiền 33,2 tỷ đồng ông Th chuyển cho ông là tiền ông Th chuyển trả nợ ông (33,2/100 tỷ), không phải tiền góp vốn vào Công ty C Bình Thuận.

- Phòng đăng ký kinh doanh vắng mặt và không có ý kiến trong vụ án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2023/KDTM-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 40, 147, 217, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 52, Điều 111, 112, khoản 5 Điều 113 Luật doanh nghiệp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức Th, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng V, Ông Trương Cao M.

Xác định vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại – Xây dựng C Bình Thuận là 98.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn góp của các cổ đông là: Bà Nguyễn Thị Hồng V 60%, ông Ngô Đức Th 30%, Ông Trương Cao M 10% vốn điều lệ của công ty (98.000.000.000 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng V, Ông Trương Cao M về việc xác định bà Nguyễn Thị Hồng V góp vốn 90%, ông Ngô Đức Th 0% vốn góp và không phải là cổ đông của công ty cổ phần Thương mại – Xây dựng C Bình Thuận.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Đức Th về việc hủy Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 03/BBH-ĐHĐCĐ và Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ cùng ngày 13/03/2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Thương Mại - Xây Dựng C Bình Thuận.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận: Vốn chủ sở hữu của Công ty C là 98 tỷ đồng trong đó bà Nguyễn Thị Hồng V sở hữu 90% cổ phần tương đương 88,2 tỷ đồng. Ông Trương Cao M sở hữu 10% cổ phần tương đương 9,8 tỷ đồng. Ông Ngô Đức Th không góp vốn nên không sở hữu cổ phần nào và không còn là cổ đông trong Công ty C Bình Thuận.

Ngày 04 tháng 10 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc

thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận: Vốn chủ sở hữu của Công ty C là 98 tỷ đồng trong đó bà Nguyễn Thị Hồng V sở hữu 90% cổ phần tương đương 88,2 tỷ đồng. Ông Trương Cao M sở hữu 10% cổ phần tương đương 9,8 tỷ đồng. Ông Ngô Đức Th không góp vốn nên không sở hữu cổ phần nào và không còn là cổ đông trong Công ty C Bình Thuận.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023, bị đơn là Ông Trương Cao M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận: Vốn chủ sở hữu của Công ty C là 98 tỷ đồng trong đó bà Nguyễn Thị Hồng V sở hữu 90% cổ phần tương đương 88,2 tỷ đồng. Ông Trương Cao M sở hữu 10% cổ phần tương đương 9,8 tỷ đồng. Ông Ngô Đức Th không góp vốn nên không sở hữu cổ phần nào và không còn là cổ đông trong Công ty C Bình Thuận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của của bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V và Ông Trương Cao M, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, công nhận: Vốn chủ sở hữu của Công ty C là 98 tỷ đồng trong đó bà Nguyễn Thị Hồng V sở hữu 90% cổ phần tương đương 88,2 tỷ đồng. Ông Trương Cao M sở hữu 10% cổ phần tương đương 9,8 tỷ đồng. Ông Ngô Đức Th không góp vốn nên không sở hữu cổ phần nào và không còn là cổ đông trong Công ty C Bình Thuận.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về hình thức và nội dung kháng cáo đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2022, lời khai của các đương sự trong hồ sơ vụ án và phần trình bày tại phiên tòa có căn cứ xác định vốn điều lệ của Công ty C là 98.000.000.000 đồng. Ông Th xác nhận sau khi nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty, ông H, bà V đề nghị ông Th tham gia góp vốn với tỷ lệ 30%. Từ năm 2020 đến năm 2022, công ty chưa có tài khoản nên ông Th đã chuyển cho ông H số tiền 33.200.000.000 tỷ đồng tương đương với 30% tỷ lệ góp vốn. Quá trình giải quyết vụ án ông H xác nhận từ năm 2020 đến năm 2022 ông Th có chuyển cho ông số tiền 33.200.000.000 tỷ đồng, mặc dù bà V đứng tên thành viên góp vốn nhưng thực tế ông H mới là người điều hành công ty. Mặc dù ông M là người ký chuyển nhượng cổ phần cho bà Nguyễn Hồng

Mai T trị giá 83.000.000.000 đồng nhưng người thụ hưởng là ông H, khoản tiền đóng thuế thu nhập gửi vào tài khoản của công ty. Trong quá trình chuyển đổi, tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 có ghi nhận ông Th là cổ đông sáng lập chiếm tỷ lệ 30% cổ phần, bà V giảm từ 90% xuống còn 60% cổ phần. Ông Th cho rằng ông là cổ đông sáng lập hưởng 30% cổ phần nên mới có việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần với bà Thủy và được bà V chia lợi nhuận từ việc mua bán, chuyển nhượng trên. Bà V không đồng ý với quan điểm này của ông Th về việc chuyển nhượng cổ phần cho bà Thủy, bà không nhận được số tiền 50.000.000.000 đồng vào tài khoản từ bà Thủy. Tuy nhiên bà V không giải thích được các chứng cứ mà Tòa án đã thu thập và do đương sự cung cấp do đó không có cơ sở chấp nhận quan điểm của bà V. Từ những phân tích trên, có đủ căn cứ xác định ông Th đã chuyển nhượng 33.200.000.000 đồng vào tài khoản của ông H chồng bà V chiếm 30% cổ phần của công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng V và Ông Trương Cao M, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

Về tố tụng:

+ Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V, Ông Trương Cao M và ông Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

+ Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại 30, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về vốn điều lệ của Công ty C Bình Thuận:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 25/5/2020; Công ty TNHH C Bình Thuận có vốn điều lệ là 98.000.000.000 đồng. Sau khi chuyển đổi từ loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn sang loại hình Công ty cổ phần, tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 8 ngày 30/9/2021, vốn điều lệ của Công ty cổ phần thương mại xây dựng C Bình Thuận là 147.000.000.000 đồng; Theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 12/10/2021, vốn điều lệ của Công ty là 450.000.000.000 tỷ đồng; Theo giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/11/2021, vốn điều lệ của Công ty là 800.000.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận số vốn điều lệ thực tế của Công ty C Bình Thuận là 98.000.000.000 đồng do các thành viên Công ty đều không góp đủ số vốn theo cam kết. Do đó, theo quy định của Luật Doanh nghiệp, do các thành viên không góp đủ vốn như cam kết nên xác định số vốn điều lệ của Công ty C là 98.000.000.000 đồng.

[2] Về số vốn góp của ông Ngô Đức Th:

Ông Ngô Đức Th cho rằng sau khi bà Nguyễn Thị Hồng V nhận chuyển nhượng Công ty C thì vợ chồng bà V, ông H đề nghị ông Th tham gia là thành viên Công ty với tỷ lệ vốn góp là 30%; Theo đó, trong các năm 2020, 2021, 2022 ông Th đã chuyển cho ông Nguyễn Văn H 33.200.000.000 đồng, tương đương 30% vốn điều lệ của 98.000.000.000 đồng để góp vốn vào Công ty C và yêu cầu xác định tỷ lệ góp vốn của ông Th là 30%. Còn phía vợ chồng bà V, ông H cho rằng số tiền ông Th chuyển là tiền làm ăn cá nhân giữa ông H với ông Th, không liên quan đến việc góp vốn hay chuyển nhượng vốn góp trong Công ty C, số tiền này không hạch toán vào tài sản của công ty, không có hợp đồng chuyển nhượng vốn góp và ông H cũng không phải là thành viên công ty, cá nhân ông H còn có nhiều lần chuyển tiền cho ông Th kể cả trước và sau khi ông Th chuyển cho ông H số tiền nêu trên; Xét:

[2.1] Tại Giấy xác nhận chuyển tiền cho ông Th góp vốn vào Công ty C của ông Ngô Thế Trúc ngày 17/7/2023, có nội dung: Ngày 23/9/2020, ông Th nhờ ông T2 chuyển vào tài khoản của ông H số tiền 1.500.000.000 đồng; ngày 15/10/2020, ông Th nhờ ông T2 chuyển vào tài khoản của ông H 2.000.000.000 đồng; tổng cộng ông Th nhờ chuyển cho ông H là 3.500.000.000 đồng.

Tại Giấy xác nhận chuyển tiền cho ông Th góp vốn vào Công ty C của ông Phạm Văn Trung ngày 17/7/2023 có nội dung: Ông Th nhờ ông Trung chuyển vào tài khoản của ông H ngày 04/9/2020, số tiền 1.500.000.000 đồng; ngày 27/11/2020, số tiền 6.000.000.000 đồng; ngày 27/10/2021, số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 13/5/2022, số tiền 3.700.000.000 đồng; tổng cộng là 13.200.000.000 đồng.

Tại Giấy xác nhận chuyển tiền cho ông Th góp vốn vào Công ty C của ông Ngô Xuân Mới, có nội dung: Ông Th nhờ ông M chuyển vào tài khoản của ông H ngày 01/10/2020, số tiền 1.500.000.000 đồng; ngày 07/10/2020, số tiền 2.800.000.000 đồng; ngày 15/10/2020, số tiền 900.000.000 đồng; tổng cộng là 5.200.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông Th trực tiếp chuyển vào tài khoản của ông H để góp vốn vào Công ty C vào các ngày 10/6/2020, số tiền 900.000.000 đồng; ngày 05/8/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 11/8/2020, số tiền 2.000.000.000 đồng, ngày 04/9/2020, số tiền 2.800.000.000 đồng, ngày 18/9/2020, số tiền 1.600.000.000 đồng; ngày 12/10/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 14/10/2020, số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 13/5/2022, số tiền 1.000.000.000 đồng; tổng cộng là 11.300.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông Th chuyển cho ông Nguyễn Văn H là 33.200.000.000

đồng.

Ông Nguyễn Văn H cũng thừa nhận ông Ngô Đức Th đã chuyển cho ông H số tiền 33.200.000.000 đồng vào các năm 2020, 2021, 2022. Nên có căn cứ xác định ông Th chuyển 33.200.000.000 đồng cho ông H là có thật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án ông H cho rằng số tiền 33.200.000.000 đồng mà ông Th chuyển cho ông H không phải là tiền chuyển nhượng cổ phần của Công ty C mà là tiền ông Th trả nợ cho ông H trong việc làm ăn kinh doanh; cụ thể là năm 2015, 2016, 2017 ông H chuyển cho ông Th 9.000.000.000 đồng; Ngày 20/12/2018, ông H chuyển cho ông Th 20.000.000.000 đồng; Ngày 27/01/2021, ông H chuyển cho ông Th 5.000.000.000 đồng, ngày 29/3/2021 ông H chuyển cho ông Th 10.500.000.000 đồng để mua chung 02 thửa đất với ông Th. Tuy nhiên, đối với số tiền 9.000.000.000 đồng ông H chuyển cho ông Th vào năm 2015, 2016, 2017 là tiền quyết toán đất mua cho NoValand năm 2017; Đối với số tiền 20.000.000.000 đồng ông H chuyển năm 2018 thì đây là tiền góp mua chung đất ở Dự án Tài Thuận nên ngày 01/3/2019 và 09/5/2019 ông Th chuyển cho ông H tổng cộng 26.000.000.000 đồng để trả tiền vốn và tiền lãi của dự án này không nằm trong số tiền 33.200.000.000.000 đồng (tiền góp vốn) và sau thời điểm này thì ông Th và ông H không làm chung dự án khác ngoài dự án C; Riêng số tiền ông H chuyển cho ông Th vào 27/01/2021 và 29/3/2021 thì số tiền này không liên quan gì đến số tiền 33.200.000.000 đồng. Nên, việc ông H trình bày số tiền 33.200.000.00 đồng là tiền ông Th trả nợ cho ông H trong làm ăn kinh doanh là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về số tiền ông Th chuyển 33.200.000.000 đồng để góp vốn vào công ty nhưng chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H và không hạch toán vào tài sản của Công ty:

Xét, sau khi bà Nguyễn Thị Hồng V và Ông Trương Cao M nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của bà Hoàng Thị Lý và ông Nguyễn Văn Hoàng trong Công ty TNHH thương mại xây dựng C Bình Thuận thì ngày 25/5/2020; bà V và ông M được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6; trong đó bà V sở hữu 90% vốn góp tương ứng 88.200.000.000 đồng và ông M sở hữu 10% vốn góp tương ứng 9.800.000.000 đồng; vốn điều lệ của Công ty là 98.000.000.000 đồng.

Ông Th cho rằng lúc đầu ông H và bà V mời ông góp vốn để tăng vốn điều lệ của công ty nhưng sau đó các bên thỏa thuận ông Th góp vốn vào công ty bằng hình thức nhận chuyển nhượng một phần vốn góp của bà V. Và lúc này bà V đang sở hữu 90% vốn góp tương ứng 88.200.000.000 đồng như nêu trên; vợ chồng bà V đã thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Th 30% số vốn góp nằm trong phần vốn bà V sở hữu và ông Th đã chuyển số tiền 33.200.000.000 đồng vào tài khoản của ông H để nhận chuyển nhượng 30% vốn góp trong công ty C vì ông H và bà V là vợ chồng, ông H là người điều hành hoạt động của Công ty C. Lời trình bày này của ông Th là phù hợp với việc khi ông M chuyển nhượng cổ phần của ông M sở hữu ở Công ty C cho bà Nguyễn Mai Hồng Thủy thì số tiền thanh toán cũng được

chỉ định chuyển vào tài khoản của ông H; cụ thể:

Tại Hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần ngày 06/4/2022; giữa Ông Trương Cao M và bà Nguyễn Mai Hồng Thủy, thể hiện: Ông Trương Cao M chuyển toàn bộ số cổ phần thuộc 10% vốn điều lệ tại Công ty C Bình Thuận cho bà Nguyễn Mai Hồng Thủy với giá 83.000.000.000 đồng; bà Thủy được chỉ định chuyển tiền thanh toán vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H là 82.917.000.000 đồng, còn 83.000.000 đồng tiền thuế chuyển vào tài khoản của Công ty C mà không chuyển vào tài khoản của ông M.

Qua đó, cho thấy mặc dù ông Nguyễn Văn H không phải là thành viên của Công ty C; Tuy nhiên ông H và bà V là vợ chồng, ông H đã điều hành các hoạt động của Công ty C và nắm quyền kiểm soát tài chính của Công ty C nên ông Th đã chuyển số tiền 33.200.000.000 đồng vào tài khoản của ông Nguyễn Văn H để góp vốn vào Công ty C là có thật.

Việc, ông Th chuyển tiền vào tài khoản của ông H mà không chuyển vào tài khoản của Công ty C không làm thay đổi sự thật về việc ông Th đã chuyển tiền góp vốn vào Công ty C; nếu có hạch toán vào tài sản của Công ty thì số tiền này vẫn phải hạch toán để trả lại cho bà V vì ông Th nhận chuyển nhượng phần vốn bà V sở hữu và cốt lõi số vốn điều lệ của Công ty C vẫn là 98.000.000.000 đồng như các bên thừa nhận ở mục [1].

[2.4] Theo hồ sơ vụ án thể hiện sau khi ông Th đã chuyển cho ông H số tiền 26.500.000.000 đồng để góp vốn vào Công ty C thì các thành viên của Công ty đã thống nhất thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Ngô Đức Th thay cho ông Nguyễn Văn Hoàng; Cụ thể: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 23/9/2021, có nội dung ông Ngô Đức Th giữ chức vụ giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty C; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 8 ngày 30/9/2021, Công ty TNHH C chuyển đổi loại hình thành Công ty cổ phần và ông Ngô Đức Th trở thành cổ đông sáng lập của công ty sở hữu 30% cổ phần, bà V thay đổi tỷ lệ vốn góp từ 90% còn 60% (giảm 30%), ông M giữ nguyên tỷ lệ 10%.

Ngày 27/10/2021 và 13/5/2022, ông Th tiếp tục chuyển cho ông H số tiền 6.700.000.000 đồng để góp vốn, thì tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11, địa chỉ trụ sở chính của Công ty C được chuyển từ xã Tiến Thành về địa chỉ D2-16 khu phố Phố Biển, phường Phú Th, thành phố Phan Th (là địa chỉ nhà của ông Ngô Đức Th).

Nên có căn cứ xác định ông Th đã góp vốn vào Công ty C nên bà Nguyễn Thị Hồng V và Ông Trương Cao M là thành viên góp vốn của Công ty mới đưa ông Th thay thế ông Hoàng làm đại diện theo pháp luật của Công ty, xác định ông Th là cổ đông sáng lập sở hữu 30% cổ phần, và địa chỉ nhà ông Th trở thành địa chỉ trụ sở của Công ty C.

[2.5] Ngoài ra, sau khi góp vốn vào Công ty C ông Th đã tham gia vào điều hành hoạt động của Công ty và biểu quyết những vấn đề quan trọng của Công ty; cụ thể tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/3/2022, Biên bản họp Đại hội

đồng cổ đông ngày 03/3/2022, ông Th và các cổ đông của Công ty đã thống nhất cho bà V chuyển nhượng 60%, ông Th chuyển nhượng 30% và ông M chuyển nhượng 10% vốn điều lệ của công ty; theo đó, tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/3/2022, bà V là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thay mặt Hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông trong công ty, như sau: Đồng ý cho bà V chuyển nhượng 4.800.000 cổ phần tương ứng 60% vốn điều lệ, ông Th chuyển nhượng 2.400.000 cổ phần tương ứng 30% vốn điều lệ, ông M chuyển nhượng 800.000 cổ phần tương ứng 10% vốn điều lệ cho các cá nhân/tổ chức có nhu cầu.

Trên cơ sở đó, ông Ngô Đức Th và Ông Trương Cao M đã chuyển nhượng cổ phần của mình cho bà Nguyễn Hồng Mai T; việc chuyển nhượng cổ phần này được thể hiện thông qua Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa cá nhân Ông Trương Cao M với bà Nguyễn Hồng Mai T, Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa cá nhân ông Ngô Đức Th với bà Nguyễn Hồng Mai T; chứng từ giao dịch chuyển tiền do Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) trong đó có nội dung: Ngày 09/3/2022, bà Nguyễn Hồng Mai T đã chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Hồng V 50.000.000.000 đồng, nội dung chuyển tiền “*Thanh toán tiền đặt cọc hợp đồng nguyên tắc chuyển nhượng CP số 01.2022.HDNTCN ngày 03.3.2022 tại Công ty C Bình Thuận*”.

Sau khi bà V nhận 50.000.000.000 đồng tiền cọc của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần từ bà Thủy thì ngày 10/3/2022, bà V đã chuyển cho ông Th 30.000.000.000 đồng để chia tiền chuyển nhượng Công ty cho ông Th. Sau đó, bà Thủy và các cổ đông không tiếp tục thực hiện chuyển nhượng cổ phần Công ty C nữa nên bà V đã hoàn trả cho bà Thủy số tiền đã nhận và ông Th cũng đã hoàn trả cho bà V 30.000.000.000 đồng đã nhận.

Phía bà V cho rằng số tiền bà V chuyển cho ông Th 30 tỷ đồng là tiền chi trả hỗ trợ cho các hộ dân lấn chiếm đất dự án của công ty C, kèm theo lời trình bày là bản photo giấy thỏa thuận hỗ trợ những hộ dân có đất canh tác trong dự án C Bình Thuận đề ngày 24/9/2022. Tuy nhiên, theo giấy thỏa thuận này thì số tiền phải đền bù là 18.100.000.000 đồng, không phải là 30.000.000.000 đồng nên việc bà V cho rằng số tiền 30.000.000.000 đồng chuyển cho ông Th là tiền chi trả cho các hộ dân là không có cơ sở chấp nhận. Đồng thời, điều này cho thấy, chính bà V đã thừa nhận ông Th có tham gia điều hành hoạt động của Công ty, nếu ông Th không phải là thành viên của Công ty, ông Th không góp vốn vào Công ty thì ông Th không thể nào được điều hành hoạt động của công ty và được chia tiền chuyển nhượng cổ phần như nêu trên.

[2.6] Thời điểm ông Th và bà V chuyển nhượng vốn góp thì Công ty C là Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên gồm bà V và ông M. Theo quy định tại Điều 52 Luật Doanh nghiệp, thì bà V phải chào bán phần vốn góp cho ông M với cùng điều kiện, nếu hết thời hạn chào bán mà ông M không mua thì bà V mới được quyền chào bán cho ông Th. Mặc dù, không có tài liệu nào thể hiện bà V có sự chào bán phần vốn góp cho ông M như quy định trên nhưng sau đó trong tất cả các biên bản của Công ty C, ông M đều ký và xác định ông Th là thành viên công

ty có tỷ lệ vốn góp là 30%, điều đó chứng tỏ ông M đồng ý để bà V chuyển nhượng vốn góp cho ông Th.

[2.7] Quá trình giải quyết vụ án ông Th không cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng vốn góp bằng văn bản giữa bà V và ông Th. Tuy nhiên, pháp luật không quy định hình thức của hợp đồng chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH phải bằng văn bản, có công chứng chứng thực. Việc, ông Th và bà V có ký hay không ký hợp đồng chuyển nhượng vốn góp không làm thay đổi bản chất sự việc ông Th đã chuyển 33.200.000.000đồng để góp vốn vào Công ty C; Sau khi ông Th chuyển tiền thì Công ty C đã xác định ông Th là thành viên công ty và thay đổi tỷ lệ vốn góp của các thành viên (ông M giữ nguyên 10%, bà V từ 90% giảm 30% còn 60%, tỷ lệ vốn góp của bà V giảm đúng bằng tỷ lệ ông Th góp vốn là 30%), ông Th là giám đốc và là người đại diện pháp luật của công ty, trụ sở công ty chuyển về địa chỉ là nhà ở của ông Th; ông Th đã tham gia điều hành hoạt động của công ty và được chia tiền chuyển nhượng cổ phần

Trên cơ sở phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định có sự thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp giữa bà V và ông Th, bà V đã chuyển nhượng cho ông Th 30% trong tổng vốn điều lệ là 98.000.000.000 đồng của Công ty TNHH C và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th về việc xác định tỷ lệ vốn góp của ông Th là 30% vốn điều lệ (98.000.000.000 đồng) trong Công ty C là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng V và Ông Trương Cao M:

Như đã phân tích và nhận định nêu trên; Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần TM-XD C được xác định là 98.000.000.000đồng và tỷ lệ góp vốn của ông Th là 30% vốn điều lệ. Do đó, việc bị đơn phản tố yêu cầu xác định tỷ lệ vốn góp của ông Th 0%, không phải cổ đông của công ty, ông M 10%, bà V 90% là không có cơ sở chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định số vốn điều lệ của Công ty C là 98.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ vốn góp của các cổ đông là bà V 60%, ông Th 30%, ông M 10% là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu hủy Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 03/BBH-ĐHĐCĐ và Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ cùng ngày 13/03/2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Thương Mại - Xây Dựng C Bình Thuận. Nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của Ông Trương Cao M, bà Nguyễn Thị Hồng V, ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà V, ông M phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 40, 147, 217, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 52, Điều 111, 112, khoản 5 Điều 113 Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng V, Ông Trương Cao M và ông Nguyễn Văn H; Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 02/2023/KDTM-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Đức Th, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng V, Ông Trương Cao M.

Xác định vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại – Xây dựng C Bình Thuận là 98.000.000.000 đồng. Tỷ lệ vốn góp của các cổ đông là: Bà Nguyễn Thị Hồng V 60%, ông Ngô Đức Th 30%, Ông Trương Cao M 10% vốn điều lệ của công ty (98.000.000.000 đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Hồng V, Ông Trương Cao M về việc xác định bà Nguyễn Thị Hồng V góp vốn 90%, ông Ngô Đức Th 0% vốn góp và không phải là cổ đông của công ty cổ phần Thương mại – Xây dựng C Bình Thuận.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Đức Th về việc hủy Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 03/BBH-ĐHĐCĐ và Quyết định số 03/QĐ-ĐHĐCĐ cùng ngày 13/03/2023 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật, địa chỉ trụ sở chính của Công ty cổ phần Thương Mại - Xây Dựng C Bình Thuận.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng V, Ông Trương Cao M mỗi người phải nộp 2.000.000 đồng. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020596, 0020597 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông Nguyễn Văn H không phải nộp.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bình Thuận; (1)
- VKSND tỉnh Bình Thuận; (1)
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (2)
- NCQLNVLQ; (4)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh